

Bản án số: 742/2024/DS-ST  
Ngày: 23/9/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Hải**  
*Các Hội thẩm nhân dân:*  
1) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**  
2) Ông **Lại Hữu Tâm**  
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.  
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 690/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 581/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** **Tổng công ty điện lực Thành phố H;** Địa chỉ trụ sở: C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công T1 – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố H – Công ty Đ, (theo Giấy ủy quyền số 6306/UQ-EVNHCMC ngày 31/12/2023).

Ông Phạm Công Thành ủy Q lại cho: Bà Trang Thụy Thanh X – Chức vụ: Đội phó Đội QLTG; Địa chỉ liên hệ: D đường T, ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo giấy ủy quyền số 752/GUQ-PCBC ngày 29/02/2024) Có mặt;

**Bi đơn:** Ông **Nguyễn Tấn P;** sinh năm: 1960; Địa chỉ: số A, khu phố A, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H và đại diện theo ủy quyền là bà Trang Thị Thanh X1 trình bày:*

Ngày 07/08/2019, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố H - Công ty Đ (sau đây gọi tắt là "Công ty Đ") đã ký Hợp đồng mua bán điện số 19/049602 với ông Nguyễn Tấn P, địa chỉ thường trú: 3 đường M, Phường A, Quận A, TP ., địa chỉ sử dụng điện: A14/24, áp A, T, huyện B, TP ., mã khách hàng: PE15000112229.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Đ đã cung cấp điện cho ông Nguyễn Tấn P theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 15/03/2023 đến ngày 14/05/2023, ông Nguyễn Tấn P đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Tấn P nợ Tổng công ty Đ1 TNHH là 3.170.971 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi ngàn, chín trăm bảy mươi một đồng), cụ thể:

- Giấy báo tiền điện tháng 4/2023 (sử dụng điện từ ngày 15/3/2023 đến 14/4/2023) số tiền là 2.062.401 đồng;

- Giấy báo tiền điện tháng 05/2023 (sử dụng điện từ ngày 15/4/2023 đến 14/5/2023) số tiền là 1.108.570 đồng.

Tại khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012 có quy định: "Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện". Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: "Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán".

Theo Khoản 4 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau: "Hình thức thanh toán: Qua SMS banking. Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu.

Do đó Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Nguyễn Tấn P thanh toán với tổng số tiền là 3.170.971 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi ngàn chín trăm bảy mươi một đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông P.

*Tại phiên tòa:*

Bà Trang Thị Thanh X1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn P thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H

TNHH số tiền điện còn nợ là 3.170.971 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm bảy mươi một đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn P thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền điện là 3.170.971 đồng. Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn P thanh toán tiền điện sinh hoạt còn nợ theo Hợp đồng mua bán điện số 19/049602 ngày 07/8/2019 giữa Tổng Công ty Điện lực Thành phố H và ông Nguyễn Tấn P. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nguyễn Tấn P có đăng ký thường trú tại A khu phố A, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, đúng địa chỉ ghi trong Hợp đồng hai bên ký kết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn P.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng mua bán điện số 19/049602 ngày 07/8/2019 được ký kết giữa Tổng công ty Điện lực Thành phố H và ông Nguyễn Tấn P, mã khách hàng: PE15000112229, có căn cứ xác định Tổng Công ty Điện lực Thành phố H đã cung cấp điện sinh hoạt cho ông Nguyễn Tấn P tại địa chỉ A khu phố A, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng mua bán điện giữa Tổng công ty Điện lực Thành phố H và ông Nguyễn Tấn P đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức

xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[3.2] Sau khi ký hợp đồng mua bán điện, Công ty Đ đã cung cấp điện cho ông Nguyễn Tấn P theo đúng nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình sử dụng điện ông Nguyễn Tấn P còn nợ tiền điện. Căn cứ Giấy báo tiền điện tháng 4/2023 thì số tiền điện mà ông P sử dụng từ ngày 15/3/2023 đến ngày 14/4/2023 nhưng chưa thanh toán là 2.062.401 đồng và Giấy báo tiền điện tháng 5/2023 thì số tiền điện mà ông P sử dụng từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023 nhưng chưa thanh toán là 1.108.570 đồng, tổng cộng là 3.170.971 đồng. Ông Nguyễn Tấn P đã vi phạm khoản 1 và 2 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Tấn P đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông P biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P phải trả tiền mua điện phục vụ sinh hoạt với số tiền 3.170.971 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm bảy mươi một đồng) cho Tổng công ty Điện lực Thành phố H là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi (đủ 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt và không có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp cho Tòa án để Tòa án xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên bị đơn ông Nguyễn Tấn P vẫn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012;

Căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực Thành phố H đối với ông Nguyễn Tấn P.

Buộc ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm trả cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền 3.170.971 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm bảy mươi một đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Tổng Công ty Điện lực Thành phố H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Tấn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0033242 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

**- Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM
- VKSND TP . HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hải**